TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Tiến Oai**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Lơn**
Ông **Trương Tha**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Phương –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Mỹ Ngân –** Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2023, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 838/2022/HNGĐ ngày 30/11/2022 về việc: *"Không công nhận vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXX-ST ngày 08/02/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị Q –** Sinh năm: 1974
Nơi cư trú: Thôn Vạn Thuận, xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn H** − Sinh năm: 1964
Nơi cư trú: Thôn Vạn Thuận, xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Q trình bày:* Bà và ông Bùi Văn H có chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên kình cãi, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Dù bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không được. Hiện tại bà và ông H đã không sống chung với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Bùi Văn H là vợ chồng. Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là Bùi Thị Dương Phượng – sinh năm 1992, Bùi Dương Thùy Linh – sinh năm 1995, Bùi Dương Phong – sinh năm 1998; các con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

** Theo các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn H trình bày:* Ông và bà Dương Thị Q có chung sống với nhau từ năm 1991 cho đến nay,

không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau giữa ông và bà Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ông bị bệnh đau và phải điều trị nên không có thu nhập mới phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng nay bà Q yêu cầu Tòa án không công nhận bà Dương Thị Q và ông là vợ chồng, ông đồng ý. Về con chung: Ông và bà Q có 03 con chung là Bùi Thị Dương Phượng – sinh năm 1992, Bùi Dương Thùy Linh – sinh năm 1995, Bùi Dương Phong – sinh năm 1998; các con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Dương Thị Q và ông Bùi Văn H là vợ chồng. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung: Bà Q, ông H không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có. Về án phí: Bà Dương Thị Q phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Q và ông Bùi Văn H sống chung với nhau vào năm 1991 không có đăng ký kết hôn, bà Q và ông H có 03 con chung là Bùi Thị Dương Phượng – sinh năm 1992, Bùi Dương Thùy Linh – sinh năm 1995, Bùi Dương Phong – sinh năm 1998. Quá trình chung sống theo bà Q và ông H đều xác định đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, hai người không còn tình cảm với nhau nên không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Bùi Văn H là vợ chồng và ông H cũng đồng ý. Xét thấy, bà Q và ông H chung sống với nhau từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận bà Dương Thị Q và ông Bùi Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Bà Q, ông H không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 11; Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Không công nhận bà Dương Thị Q và ông Bùi Văn H là vợ chồng.

1.2 Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

1.3 Về tài sản chung: Bà Dương Thị Q và ông Bùi Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Dương Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0005449 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Ích
- CCTHADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Oai